

CÔNG TY CỔ PHẦN V-RICH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN V-RICH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: V-RICH VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: V-RICH VIỆT NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109024707

3. Ngày thành lập: 12/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19, ngõ 786 Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: vrichvietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ (Trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0220
2.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác dầu thô	0610
5.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
6.	Khai thác quặng sắt	0710
7.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác quặng bôxít; - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu;	0722
8.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Khai thác đá; - Khai thác cát, sỏi; - Khai thác đất sét;	0810
10.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079

14.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Ché biến gỗ.	1610
15.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ	1622
17.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
19.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
20.	In ấn (Trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
21.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
22.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
23.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: - Sản xuất plastic nguyên sinh - Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
24.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
25.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
26.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu.	2100

27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic; - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: + Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không); + Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa; + Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, mảnh, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. + Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa; + Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính; + Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; + Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, tàu xi gà, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác.	2220
28.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
29.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
30.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
31.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
32.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
33.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
34.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
35.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
36.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
39.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
40.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
45.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

46.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
47.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
50.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình thủy	4291
59.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
60.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62.	Phá dỡ	4311
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
69.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
70.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng. (Trừ đấu giá)	4513

71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.	4520
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
73.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy; - Bán lẻ mô tô, xe máy; - Đại lý mô tô, xe máy. (Trừ đầu giá)	4541
74.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. (Trừ đầu giá)	4543
76.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa. (Trừ đầu giá)	4610
77.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
78.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
79.	Bán buôn thực phẩm	4632

80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
81.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
82.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Mua bán máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy.	4659
84.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô; - Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4661

85.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4663
86.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
87.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
89.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
90.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
91.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
92.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4752

93.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
94.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
95.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
96.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
97.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan).	5210
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics. - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229

105.	Chuyển phát Chi tiết: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng; - Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện; - Dịch vụ giao hàng tận nhà.	5320
106.	Lập trình máy vi tính	6201
107.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp; - Cung cấp các cấu phần phần cứng, phần mềm của hệ thống máy tính; - Thực hiện cài đặt hệ thống, đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống; - Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; - Các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.	6202
108.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
109.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng.	6311
110.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
111.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán).	6619

112.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ đấu giá)	6820
113.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán)	7020(Chính)
114.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Khảo sát xây dựng; (Điều 73 Luật Xây dựng 2014) - Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng (Điều 8 Luật Xây Dựng 2014) - Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Thiết kế xây dựng công trình (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung NĐ 100/2018/NĐ-CP); - Lập dự án đầu tư xây dựng (Điều 52 Luật Xây dựng 2014); - Thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Điều 56 Luật Xây Dựng); - Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 120 Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng 2014); - Lập quy hoạch đô thị (Điều 10 Luật Quy hoạch đô thị 2009) - Lập quy hoạch xây dựng (Điều 60 Nghị định 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung NĐ 100/2018/NĐ-CP)	7110
115.	Quảng cáo (Trừ các loại Nhà nước cấm)	7310
116.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
117.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội thất; - Trang trí ngoại thất.	7410
118.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
119.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
120.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
121.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
122.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

124.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9000
125.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
126.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Xóm Trại, Xã Lộc An, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	162336886	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

2	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	Thôn Đào, Xã Hiển Khánh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	162467756	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		
3	TRỊNH VŨ BÌNH	Căn 3236 HH3C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	0360840075 97	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162336886

Ngày cấp: 24/03/2014

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nam Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Trại, Xã Lộc An, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 07 tầng 16, tòa B1 Hđmon Nguyễn Cơ Thạch, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội